

BẢN SAO

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
ĐỊA CHẤT MỎ - VINACOMIN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 4
<b>2. Báo cáo kiểm toán</b>	5
<b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 29



HÀM  
ON  
NHÉ  
EM  
VIỆ  
H  
HÀ

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỊA CHẤT MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 304, Đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Ban Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - Vinacomin tiền thân là Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Công ty Địa chất Mỏ - TKV)

Thực hiện đề án hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại công văn số 1317/TTG - ĐMDN ngày 26/07/2010, Hội đồng thành viên Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã ban hành quyết định số 2322/QĐ-HĐTV ngày 28/9/2010 về việc phê duyệt Đề án chuyển Công ty Địa chất Mỏ - TKV, đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ, thành Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - Vinacomin (có hiệu lực từ ngày 01/10/2010) do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - Vinacomin đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 5701436805, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 10 năm 2010.

**2. Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc**

Chủ tịch Công ty và các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Chủ tịch Công ty

Họ và tên:

- Ông Vũ Thành Lâm

Chức vụ:

Chủ tịch Công ty

Thành viên Ban Giám đốc

Họ và tên:

- Ông Vũ Văn Đông

- Ông Lê Văn Lâm

- Ông Nguyễn Văn Nhật

Chức vụ:

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc Công ty như sau:

- Xí nghiệp Địa chất Cẩm Phả có địa chỉ tại số 304, Đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh;
- Xí nghiệp Địa chất Đông Triều có địa chỉ tại thôn Trại Hà, Xã Yên Thọ, Huyện Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh;
- Xí nghiệp Dịch vụ và Du lịch địa chất có địa chỉ tại tổ 68B, Phường Cẩm Thạch, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh; và
- Xí nghiệp Trắc địa bản đồ có địa chỉ tại tổ 68B, Phường Cẩm Thạch, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.

001  
NH  
TY  
HỮU  
AN  
NAI  
NỘI  
TP



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**4. Hoạt động chính**

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012, hoạt động chính của Công ty là: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới ...); Dịch vụ phục vụ đồ uống; Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

**5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH BDO Việt Nam (nay là Công ty Kiểm toán AFC Việt Nam) được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

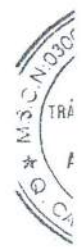
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã lập Báo cáo tài chính theo đúng các yêu cầu trên.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỊA CHẤT MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 304, Đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**8. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2013

**GIÁM ĐỐC**



Vũ Văn Đông

CHI NI  
CÔNG  
NHỆ  
KIỂM  
C VIẾ  
TẠI H  
GIÁ





AFC VIET NAM CO., LTD

Tel.: +84 4 37670657/37670658  
Fax: +84 4 37670555

Ha Noi Office  
93/B1 Cau Giay Street  
Quan Hoa Ward  
Cau Giay District, Hanoi  
Vietnam

Số: 72/2013/BCKT-AFC

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2013

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012  
của Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - Vinacomin

**Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - Vinacomin**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - Vinacomin được lập ngày 17 tháng 04 năm 2013, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 29 kèm theo.

Báo cáo tài chính này được lập theo chuẩn mực kế toán Việt nam và không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - Vinacomin. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - Vinacomin cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

**Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam**



**Nguyễn Như Tiến**  
Phó Giám đốc chi nhánh Hà Nội  
Chứng chỉ KTV số: 0449/KTV

2

**Nguyễn Hồng Quang**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 0576/KTV

007  
ÁNH  
TY  
HỮU H  
GÁN  
F NAM  
NỘI  
- TP

M. C.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

TÀI SẢN NGẮN HẠN				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>282.735.311.080</b>	<b>197.749.720.035</b>
Tiền và tương đương tiền	110		2.704.135.207	3.433.293.903
Tiền	111	5.1	2.704.135.207	3.433.293.903
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		265.915.171.911	121.251.728.534
Phải thu khách hàng	131		260.221.337.019	118.704.728.464
Trả trước cho người bán	132		4.573.705.874	2.051.946.544
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		942.952.171	-
Các khoản phải thu khác	135	5.2	177.176.847	495.053.526
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.3	14.032.077.091	71.156.552.680
Hàng tồn kho	141		14.032.077.091	71.156.552.680
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		83.926.871	1.908.144.918
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34.344.000	1.558.144.918
Tài sản ngắn hạn khác	158		49.582.871	350.000.000
Chi sự nghiệp			-	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>73.078.769.518</b>	<b>108.264.805.765</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		62.391.710.574	89.087.669.564
TSCĐ hữu hình	221	5.4	58.489.735.163	81.581.443.209
- Nguyên giá	222		240.445.750.116	226.012.320.588
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(181.956.014.953)	(144.430.877.379)
TSCĐ vô hình	227	5.5	2.028.695.858	2.168.009.944
- Nguyên giá	228		3.129.315.304	3.129.315.304
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(1.100.619.446)	(961.305.360)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.6	1.873.279.553	5.338.216.411
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		10.687.058.944	19.177.136.201
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	10.687.058.944	19.177.136.201
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>	<b>355.814.080.598</b>	<b>306.014.525.800</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 304, Đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

		Mã tài khoản kế toán	Giá trị	Giá trị
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>	<b>286.716.071.665</b>	<b>246.848.051.876</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>	<b>246.933.076.003</b>	<b>181.392.081.909</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	119.398.701.353	75.991.904.357
Phải trả người bán	312		25.396.131.977	17.169.400.113
Người mua trả tiền trước	313		-	909.889.114
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	30.933.396.279	11.816.208.967
Phải trả người lao động	315		43.420.229.570	21.223.570.185
Chi phí phải trả	316	5.10	11.184.854.498	2.916.935.882
Phải trả nội bộ	317		-	57.047.829
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	37.913.824.336
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	2.089.349.560	2.436.211.277
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		14.510.412.766	10.957.089.849
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>39.782.995.662</b>	<b>65.455.969.967</b>
Vay và nợ dài hạn	334	5.12	39.782.995.662	64.618.526.892
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	837.443.075
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>	<b>69.098.008.933</b>	<b>59.166.473.924</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>69.098.008.933</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		58.180.923.087	53.608.319.540
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.711.877.077	136.008.454
Quỹ dự phòng tài chính	418		7.205.208.769	5.372.745.922
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>49.400.008</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	49.400.008
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>	<b>355.814.080.598</b>	<b>306.014.525.800</b>

ĐẠI  
 CH  
 CH  
 KII  
 AFC  
 T  
 K



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN		CHỐI	
TÀI SẢN	ĐƠN VỊ	CHỐI	ĐƠN VỊ
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2013

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Lê Thị Kim Dung



Vũ Văn Đông

99  
NH  
NG  
HIỆ  
M  
VIỆ  
HI  
CÁ

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 304, Đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phá, Tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

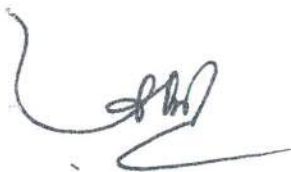
Đơn vị: VND

<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>520.371.470.694</b>	<b>422.589.610.430</b>
Các khoản giảm trừ	02	6.2	186.612.588	182.618.182
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>6.3</b>	<b>520.184.858.106</b>	<b>422.406.992.248</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	448.150.811.864	373.654.396.251
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>72.034.046.242</b>	<b>48.752.595.997</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	113.285.141	432.216.133
Chi phí tài chính	22	6.6	16.699.633.436	23.959.100.064
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.688.612.342	21.157.771.793
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.964.399.494	24.448.667.315
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>21.483.298.453</b>	<b>777.044.751</b>
Thu nhập khác	31		3.227.086.764	635.512.670
Chi phí khác	32		170.039.827	346.918.097
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>3.057.046.937</b>	<b>288.594.573</b>
<b>Cộng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>24.540.345.390</b>	<b>1.065.639.324</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	6.215.716.920	356.935.355
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>18.324.628.470</b>	<b>708.703.969</b>

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2013

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**



**Thị Kim Dung**



**Vũ Văn Đông**

11/04/2013



**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị: VND

		Số tiền phải nộp đầu kỳ	Số tiền sinh phải nộp trong kỳ	Số tiền nộp trong kỳ	Số tiền phải nộp cuối kỳ	
	B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
<b>Thuế</b>	<b>10</b>		<b>11.815.484.967</b>	<b>36.640.860.112</b>	<b>17.523.270.800</b>	<b>30.933.074.279</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11		11.386.420.024	29.137.911.011	16.013.483.010	24.510.848.025
Thuế GTGT hàng NK	12		-	-	-	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13		14.547.902	186.612.588	198.806.644	2.353.846
Thuế Xuất, nhập khẩu	14		-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15		356.935.355	6.215.716.920	356.935.355	6.215.716.920
Thuế Tài nguyên	16		642.565	16.848.157	17.261.182	229.540
Thuế Nhà đất	17		-	-	-	-
Tiền thuê đất	18		-	612.516.103	434.026.103	178.490.000
Các khoản thuế khác	19		56.939.121	471.255.333	502.758.506	25.435.948
<i>Thuế môn bài</i>			-	8.000.000	8.000.000	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>			56.939.121	463.255.333	494.758.506	25.435.948
<i>Các loại thuế khác</i>			-	-	-	-
<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>30</b>		<b>724.000</b>	<b>5.576.000</b>	<b>5.978.000</b>	<b>322.000</b>
Các khoản phụ thu	31		-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32		724.000	5.576.000	5.978.000	322.000
Các khoản khác	33		-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG (40=10+30)</b>	<b>40</b>		<b>11.816.208.967</b>	<b>36.646.436.112</b>	<b>17.529.248.800</b>	<b>30.933.396.279</b>

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Thị Kim Dung



Vũ Văn Đông

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị: VND

	2012	2011	2010
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	24.540.345.390	1.065.639.324
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	43.135.256.715	44.945.256.894
Các khoản dự phòng	03	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	11.021.094	2.801.328.271
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(336.751.808)	(562.882.800)
Chi phí lãi vay	06	16.688.612.342	21.157.771.793
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>84.038.483.733</b>	<b>69.407.113.482</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(144.663.443.377)	184.937.307.583
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	57.124.475.589	(33.893.915.277)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả ( Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	14.018.861.434	(97.976.725.638)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	10.013.878.175	(11.887.640.302)
Tiền lãi vay đã trả	13	(18.807.504.235)	(21.183.731.941)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(356.935.355)	(15.096.249.751)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	7.534.748.791	39.405.216.119
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.627.908.746)	(57.726.927.469)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>3.274.656.009</b>	<b>55.984.446.806</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(22.911.832.279)	(34.232.597.343)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	223.466.667	130.666.667
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	113.285.141	432.216.133
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(22.575.080.471)</b>	<b>(33.669.714.543)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Giền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	292.895.338.499	313.912.687.477
Giền chi trả nợ gốc vay	34	(274.324.072.733)	(342.689.314.463)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>18.571.265.766</b>	<b>(28.776.626.986)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50	(729.158.696)	(6.461.894.723)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.704.135.207	3.433.293.903

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Thị Kim Dung



Vũ Văn Đông



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty TNHH Một thành viên Địa chất Mỏ - Vinacomin tiền thân là Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Công ty Địa chất Mỏ - TKV)

Thực hiện đề án hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại công văn số 1317/TTG - ĐMDN ngày 26/07/2010, Hội đồng thành viên Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã ban hành quyết định số 2322/QĐ-HĐTV ngày 28/9/2010 về việc phê duyệt Đề án chuyển Công ty Địa chất Mỏ - TKV, đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ, thành Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - Vinacomin (có hiệu lực từ ngày 01/10/2010) do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - Vinacomin đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 5701436805, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 10 năm 2010. Theo đó ngành nghề kinh doanh của công ty được quy định bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Khai thác muối;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới ...);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải ( trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỊA CHẤT MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 304, Đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

- Phá dỡ;
- In ấn, và
- Sửa chữa thiết bị điện.

Công ty có trụ sở tại Số 304, Đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc Công ty như sau:

- Xí nghiệp Địa chất Cẩm Phả;
- Xí nghiệp Địa chất Đông Triều;
- Xí nghiệp Dịch vụ và Du lịch địa chất; và
- Xí nghiệp Trắc địa bản đồ.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 1.189 người, trong đó số nhân viên quản lý là 122 người.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CDKT ngày 20/12/2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

**3 ĐƠN VỊ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán dưới đây.

**Thay đổi trong chế độ/chính sách kế toán đối với xử lý chênh lệch tỷ giá**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012 (gọi tắt là "Thông tư 179") về việc quy định về ghi nhận đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính.

Việc thay đổi chính sách đối với việc ghi nhận đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái nêu trên được Ban Giám đốc Công ty đánh giá không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Công ty.

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **4.3 Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ đã thực hiện phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính (tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là 20.815 VND/USD). Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, CCDC, hàng hoá      Phương pháp nhập trước xuất trước.
- Chi phí SXKD DD:      Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi tại doanh nghiệp.

### **4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

#### **4.5.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

#### **4.5.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

### **4.6 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

5-0  
AN  
TY  
MH  
TO  
ET  
AT  
V



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính là chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính liên quan đến các dự án đầu tư

**4.7 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ không quá 2 năm, giá trị còn lại của các cần khoan thực hiện trong các công trình khoan được phân bổ dựa trên tỷ lệ tiêu hao thực tế.

**4.8 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay còn phải trả đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.9 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty thuộc sở hữu Nhà nước do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trực tiếp quản lý.

Nguồn vốn kinh doanh được thể hiện trên báo cáo tài chính của Công ty bao gồm nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp, nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận hàng năm.

Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận của hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc phân phối quỹ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 17/09/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Các quỹ trong năm được trích lập gồm: Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng và phúc lợi.

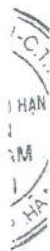
**4.10 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4.11 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định và lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

**4.12 Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- Hoạt động địa chất và dịch vụ: 10%.
- Các loại dịch vụ, vật tư hàng hoá khác: 5%.

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Công ty tính và nộp thuế TNDN theo mức thuế suất 25%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.13 Khoản phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

MIN  
H H  
★

M.S.C.A.  
★



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỊA CHẤT MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 304, Đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền**

	<u>31/12/2012</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2012</u> <u>(VND)</u>
Tiền mặt tại quỹ (i)	222.404.183	204.278.378
Tiền gửi ngân hàng (ii)	2.481.731.024	3.229.015.525
<b>Cộng</b>	<b><u>2.704.135.207</u></b>	<b><u>3.433.293.903</u></b>
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2012 bao gồm:		
		<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		222.404.183
<b>Cộng</b>		<b><u>222.404.183</u></b>
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2012 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	-	-
Đồng Việt Nam		2.481.731.024
<i>Ngân hàng đầu tư và phát triển Cẩm Phả</i>		2.422.180.237
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Cẩm Phả</i>		37.060.676
<i>Ngân hàng SHB CN Quảng Ninh</i>		9.854.891
<i>NH đầu tư và phát triển Đông Triều</i>		7.356.135
<i>NH đầu tư và phát triển Quảng Ninh</i>		5.279.085
<b>Cộng</b>		<b><u>2.481.731.024</u></b>

**5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<u>31/12/2012</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2012</u> <u>(VND)</u>
Phải thu thuế TNCN	14.296.891	9.289.409
Phải thu BHXH	2.151.854	66.247.813
Phải thu BHTN	-	93.626
Phải thu BHYT	113.606.895	140.438
Phải thu khám chữa bệnh	46.106.659	244.138.344
Phải thu khác	1.014.548	175.143.896
<b>Cộng</b>	<b><u>177.176.847</u></b>	<b><u>495.053.526</u></b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỊA CHẤT MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 304, Đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**5.3 Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	11.360.572.044	18.135.193.526
Công cụ, dụng cụ	681.875.400	1.946.990.520
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.989.629.647	51.074.368.634
<b>Cộng</b>	<u><b>14.032.077.091</b></u>	<u><b>71.156.552.680</b></u>

18993  
ĐI NH  
CÔNG  
HIỆN  
IEM T  
VIỆ  
SI HẢ  
CIAY



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**5.4 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	32.398.259.522	143.772.723.126	48.029.835.065	1.811.502.875	226.012.320.588	
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	6.984.153.949	10.707.484.410	2.212.340.318	47.000.000	19.950.978.677	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.990.186.117)	(81.522.854)	(445.840.178)	(5.517.549.149)	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>39.382.413.471</b>	<b>149.490.021.419</b>	<b>50.160.652.529</b>	<b>1.412.662.697</b>	<b>240.445.750.116</b>	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư đầu năm	15.957.062.252	101.641.165.731	25.323.692.381	1.508.957.015	144.430.877.379	
- Khấu hao trong năm	3.593.461.506	27.145.890.456	11.965.832.017	290.758.650	42.995.942.629	
- Hao mòn trong năm	-	46.744.094	-	-	46.744.094	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.990.186.117)	(81.522.854)	(445.840.178)	(5.517.549.149)	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19.550.523.758</b>	<b>123.843.614.164</b>	<b>37.208.001.544</b>	<b>1.353.875.487</b>	<b>181.956.014.953</b>	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	16.441.197.270	42.131.557.395	22.706.142.684	302.545.860	81.581.443.209	
Tại ngày cuối năm	19.831.889.713	25.646.407.255	12.952.650.985	58.787.210	58.489.735.163	

Trong đó: - TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 11.790.278.242 đồng  
 - Đã hết khấu hao, đang sử dụng: 99.658.196.280 đồng

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỊA CHẤT MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 304, Đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**5.5 Tài sản cố định vô hình**

	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	<b>2.042.311.138</b>	<b>1.087.004.166</b>	<b>3.129.315.304</b>
- Mua trong năm	-	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.042.311.138</b>	<b>1.087.004.166</b>	<b>3.129.315.304</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số dư đầu năm	<b>81.692.448</b>	<b>879.612.912</b>	<b>961.305.360</b>
- Khấu hao trong năm	40.846.224	98.467.862	139.314.086
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>122.538.672</b>	<b>978.080.774</b>	<b>1.100.619.446</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	<b>1.960.618.690</b>	<b>207.391.254</b>	<b>2.168.009.944</b>
Tại ngày cuối năm	<b>1.919.772.466</b>	<b>108.923.392</b>	<b>2.028.695.858</b>

**5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>1.873.279.553</b>	<b>5.338.216.411</b>
- Thiết kế và lập dự toán dự án khu du lịch Sapa - Cẩm phả	-	63.063.946
- GPMB, đất dự án xây dựng văn phòng làm việc và TTTNXL dữ liệu Địa chất Đắc Nông	-	4.427.624.170
- Đo vẽ BĐ TT Nước khoáng nóng	-	63.436.496
- KS trắc địa khu Miếu Mỏ	-	15.320.000
- Khoan ĐCCT nhà ở CBCNV khu ĐX	55.855.023	23.050.000
- Thu Hoạch hồ Cẩm thủy	-	268.579.091
- Khoan KSCT khu nghỉ dưỡng Đá Chồng	1.496.509.485	432.002.584
- Thiết bị duy trì sản xuất	320.915.045	45.140.124
<b>Sửa chữa lớn dở dang</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.873.279.553</b>	<b>5.338.216.411</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỊA CHẤT MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 304, Đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**5.7 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Giá trị còn lại của cần khoan đã xuất dùng	10.687.058.944	19.115.593.868
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất	-	60.000.000
Chi phí trả trước khác	-	1.542.333
<b>Cộng</b>	<b>10.687.058.944</b>	<b>19.177.136.201</b>

**5.8 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Vay ngắn hạn	119.398.701.353	75.991.904.357
- Công ty Tài chính Than - Vinacomin	24.666.821.276	20.011.509.334
- Tập đoàn Vinacomin	-	30.000.000.000
- Ngân hàng ĐT & PT Quảng Ninh	48.096.489.438	25.980.395.023
- Ngân hàng Công thương Cẩm Phả	46.635.390.639	-
<b>Cộng</b>	<b>119.398.701.353</b>	<b>75.991.904.357</b>

**5.9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	24.510.848.025	11.386.420.024
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.353.846	14.547.902
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.215.716.920	356.935.355
Thuế thu nhập cá nhân	25.435.948	56.939.121
Thuế tài nguyên	229.540	642.565
Tiền thuê đất	178.490.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản khác	322.000	724.000
<b>Cộng</b>	<b>30.933.396.279</b>	<b>11.816.208.967</b>

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

330044  
 CH  
 C  
 TRÁCH  
 KI  
 AFC  
 T

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỊA CHẤT MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 304, Đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**5.10 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2012</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2012</b> <b>(VND)</b>
Chi phí đi lại	4.981.682.900	429.670.000
Chi phí lãi vay phải trả tập đoàn	-	2.118.891.893
Chi phí thuê xe	66.000.000	-
Chi phí bồi dưỡng độc hại	1.209.305.965	97.924.000
Cước điện thoại	40.631.955	10.029.818
Tiền trang phục BHLĐ cho CBCNV	4.499.000.000	-
Chi phí thẩm định nghiệm thu	268.500.000	138.750.000
Chi phí khác	119.733.678	121.670.171
<b>Cộng</b>	<b>11.184.854.498</b>	<b>2.916.935.882</b>

**5.11 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2012</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2012</b> <b>(VND)</b>
Kinh phí công đoàn	242.066.617	136.721.456
Kinh phí đảng	138.396.995	20.009.256
Quỹ Hoạt động Xã hội	-	3.770.993
Các khoản phải trả phải nộp khác (i)	1.708.885.948	2.275.709.572
<b>Cộng</b>	<b>2.089.349.560</b>	<b>2.436.211.277</b>

(i) Các khoản phải trả phải nộp khác tại ngày 31/12/2012 bao gồm :

Thực phẩm Nhà hàng Địa chất	135.520.800
Thuế VAT phải thu theo tiến độ.	417.876.702
Tiền thưởng tập đoàn	104.600.000
Phí thẩm định các dự án	947.846.696
Các khoản phải nộp khác	103.041.750
<b>Cộng</b>	<b>1.708.885.948</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**5.12 Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2012 (VND)	01/01/2012 (VND)
<b>I Vay dài hạn</b>	<b>39.782.995.662</b>	<b>64.618.526.892</b>
- Vay Ngân hàng (*)	11.727.706.387	16.602.205.364
- Vay Công ty Tài chính Than - Vinacomin	-	4.120.521.600
- Vay Tập đoàn CN Than - Khoáng sản VN	28.055.289.275	43.895.799.928
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>39.782.995.662</b>	<b>64.618.526.892</b>

(\*) Số dư các khoản vay Ngân hàng tại 31/12/2012 bao gồm:

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Quảng Ninh	9.843.162.364
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Quảng Ninh	1.884.544.023
	<b>11.727.706.387</b>

**Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả năm 2013**

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Quảng Ninh	2.965.148.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Quảng Ninh	400.000.000
- Vay Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản VN	10.060.471.487
	<b>13.425.619.487</b>

- Khoản vay Ngân hàng SHB Quảng Ninh bao gồm 01 hợp đồng với tổng số dư nợ vay vào ngày 31/12/2012 là 9.843.162.364 VND (trong đó chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả nợ gốc là 2.965.148.000 VND), thời hạn của các khoản vay là từ 05 năm với lãi suất được điều chỉnh cho từng thời kỳ theo thông báo của Ngân hàng.
- Khoản vay Ngân hàng Đ.Tư và PT Quảng Ninh bao gồm 02 hợp đồng với tổng số dư nợ vay vào ngày 31/12/2012 là 1.884.544.023 VND (trong đó chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả nợ gốc là 400.000.000 VND), thời hạn của các khoản vay là từ 03 năm với lãi suất được điều chỉnh cho từng thời kỳ theo thông báo của Ngân hàng.
- Khoản vay Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam bao gồm 03 hợp đồng vay, có 01 hợp đồng vay bằng VND với tổng số dư nợ vay vào ngày 31/12/2012 là 2.000.000.000 VND (trong đó chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả nợ gốc là 0 VND) và có 02 hợp đồng vay bằng USD với tổng số dư nợ vay vào ngày 31/12/2012 là 1.251.755,43USD, tương ứng là 26.055.289.275 VND (trong đó chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả nợ gốc là 483.327,96 USD, tương ứng là 10.060.471.487 VND), thời hạn của các khoản vay là 05 năm với lãi suất thả nổi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**5.13 Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>36.860.837.750</b>	<b>-</b>	<b>16.563.009.730</b>	<b>5.301.875.525</b>	<b>-</b>	<b>58.725.723.005</b>
Tăng vốn trong năm trước	16.563.009.730	-	-	-	-	16.563.009.730
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	708.703.969	708.703.969
Phân phối lợi nhuận	184.472.060	-	136.008.454	70.870.397	-	391.350.911
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(16.563.009.730)	-	(708.703.969)	(17.271.713.699)
<b>Số dư cuối năm trước/đầu năm nay</b>	<b>53.608.319.540</b>	<b>-</b>	<b>136.008.454</b>	<b>5.372.745.922</b>	<b>-</b>	<b>59.117.073.916</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	18.324.628.470	18.324.628.470
Phân phối lợi nhuận	4.572.603.547	-	3.575.868.623	1.832.462.847	(18.324.628.470)	(8.343.693.453)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>58.180.923.087</b>	<b>-</b>	<b>3.711.877.077</b>	<b>7.205.208.769</b>	<b>-</b>	<b>69.098.008.933</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

12/12/2012

THUYẾT MINH



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Vốn đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	58.180.923.087	53.608.319.540
<b>Cộng</b>	<b><u>58.180.923.087</u></b>	<b><u>53.608.319.540</u></b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu :**

	<u>Từ 01/01/2012</u> <u>đến 31/12/2012</u> (VND)	<u>Từ 01/10/2011</u> <u>đến 31/12/2011</u> (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn đầu tư đầu kỳ	53.608.319.540	36.860.837.750
Nhận bàn giao từ CN Cty Nhà nước	-	-
Vốn đầu tư tăng trong kỳ	-	16.563.009.730
Tăng từ lãi trong năm kỳ	4.572.603.547	184.472.060
Vốn đầu tư giảm trong kỳ	-	-
Vốn đầu tư cuối kỳ	58.180.923.087	53.608.319.540

**Các quỹ của Công ty :**

	<u>31/12/2012</u> (VND)	<u>01/01/2012</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	3.711.877.077	136.008.454
Quỹ dự phòng tài chính	7.205.208.769	5.372.745.922
<b>Cộng</b>	<b><u>10.917.085.846</u></b>	<b><u>5.508.754.376</u></b>

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư phát triển kinh doanh (kể cả trường hợp liên doanh, góp vốn cổ phần, mua cổ phiếu) bổ sung vốn điều lệ của Công ty nhằm phát triển kinh doanh theo định hướng chiến lược của công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp hỗ trợ các trường hợp thiên tai về vốn do thiên tai, dịch họa rủi ro trong kinh doanh của Công ty.

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2012 (VND)</u>	<u>Năm 2011 (VND)</u>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>520.371.470.694</b>	<b>422.589.610.430</b>
Doanh thu dịch vụ khảo sát địa chất	510.186.471.750	414.140.748.320
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.184.998.944	8.448.862.110

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm 2012 (VND)</u>	<u>Năm 2011 (VND)</u>
<b>Tổng các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>186.612.588</b>	<b>182.618.182</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	186.612.588	182.618.182

**6.3 Doanh thu thuần**

	<u>Năm 2012 (VND)</u>	<u>Năm 2011 (VND)</u>
<b>D. thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>520.184.858.106</b>	<b>422.406.992.248</b>
Doanh thu thuần dịch vụ khảo sát địa chất	510.186.471.750	414.140.748.320
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	9.998.386.356	8.448.862.110

**6.4 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2012 (VND)</u>	<u>Năm 2011 (VND)</u>
Giá vốn dịch vụ khảo sát địa chất	438.152.425.508	365.388.152.323
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.998.386.356	8.266.243.928
<b>Cộng</b>	<b>448.150.811.864</b>	<b>373.654.396.251</b>

**6.5 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm 2012 (VND)</u>	<u>Năm 2011 (VND)</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	113.285.141	432.216.133
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
<b>Cộng</b>	<b>113.285.141</b>	<b>432.216.133</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

**6.6 Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Lãi tiền vay	16.688.612.342	21.157.771.793
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.021.094	2.801.328.271
<b>Cộng</b>	<b>16.699.633.436</b>	<b>23.959.100.064</b>

**6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.215.716.920	356.935.355
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.215.716.920</b>	<b>356.935.355</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	184.621.149.469	190.911.009.357
Chi phí nhân công	138.923.523.439	121.035.277.753
Chi phí khấu hao TSCĐ	43.135.256.715	44.945.256.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.393.482.419	25.785.819.826
Chi phí khác bằng tiền	69.826.733.592	65.932.681.806
<b>Cộng</b>	<b>449.900.145.634</b>	<b>448.610.045.636</b>

## 7.1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Chi tiết giao dịch và số dư về các bên liên quan được thể hiện chi tiết tại các Phụ biểu đính kèm.

- Phụ biểu 01 - Báo cáo doanh thu trong nội bộ tập đoàn.
- Phụ biểu 02 - Báo cáo phải thu, phải trả trong nội bộ tập đoàn.
- Phụ biểu B01-TSCĐ-HN: Báo cáo chi tiết tài sản mua trực tiếp từ các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị năm 2012;

## 7.2 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam).

Ngày 17 tháng 04 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Kim Dung

GIÁM ĐỐC



Văn Đông

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VÀ CHÍNH XÁC  
Số Chứng Thực..... Quyển Số.....  
Ngày...30.....Tháng...9.....năm 2013.....

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG CẨM THÀNH



Đỗ Khải Hoàn

